SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai; Thời gian ký: 30/06/2024 16:52:33 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14 /2024/QĐ-UBND	*Lào Cai, ngày 30 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 358/TTr-SNV ngày 23 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

2. Các quy định tại các văn bản sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

b) Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định về một số phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

c) Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Lào Cai;

d) Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định phong trào thi đua "Đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực" trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021 – 2025;

đ) Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định phong trào thi đua "Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số" trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021 – 2025;

e) Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định phong trào thi đua "Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai" giai đoạn 2021 – 2025;

g) Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định phong trào thi đua "Thanh niên làm chủ đất nước" trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021 – 2025;

h) Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định phong trào thi đua "Toàn dân tham gia xây dựng và củng cố quốc phòng, an ninh vững chắc" trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021 – 2025;

i) Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định về phong trào thi đua "Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia" giai đoạn 2022-2025.

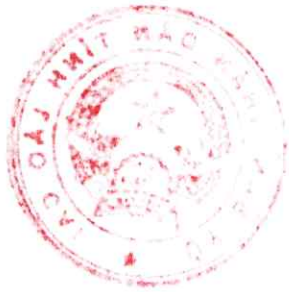
Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thành viên HĐTĐKT tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Ban TĐKT tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lào Cai;
- Công báo Lào Cai;
- Lưu: VT, TCHC, NC3.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trịnh Xuân Trường



UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Kèm theo Quyết định số 14 /2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn và quy trình xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam, hộ gia đình sinh sống, làm việc, học tập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Cơ quan Nhà nước; cơ quan Đảng; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; đơn vị sự nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

3. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ngoài tỉnh có đóng góp xây dựng tỉnh Lào Cai.

4. Người nước ngoài, tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Nguyên tắc, quy trình xét tặng danh hiệu thi đua

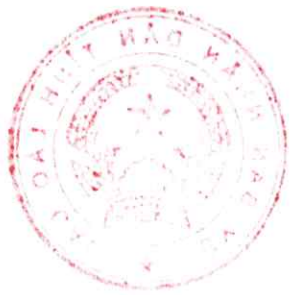
1. Nguyên tắc:

a) Xét, công nhận sáng kiến cho cá nhân theo quy định;

b) Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân trước (trừ người đứng đầu), tập thể sau;

c) Xét, tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân trước (trừ người đứng đầu), xét tặng danh hiệu thi đua cho tập thể sau;

d) Việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét danh hiệu thi đua của cá nhân là người đứng đầu đơn vị được gắn với kết quả xếp loại của



tập thể đơn vị. Tập thể đơn vị không được đánh giá xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên thì người đứng đầu không được xét tặng danh hiệu thi đua.

2. Quy trình xét tặng các danh hiệu thi đua:

a) Đối với cá nhân, thực hiện theo thứ tự sau đây:

Bước 1: Xét, đề nghị tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" trong số những cá nhân được đánh giá, xếp loại từ "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

Bước 2: Xét, chọn cá nhân được đánh giá xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" có đủ tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến" và cá nhân tiêu biểu trong số các cá nhân có đủ tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến" có sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận để xét, đề nghị tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở";

Bước 3: Xét, chọn cá nhân tiêu biểu trong số các cá nhân có 03 (ba) lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở", trong thời gian đó có sáng kiến được công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh để đề nghị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh";

Bước 4: Xét, chọn cá nhân tiêu biểu trong số các cá nhân có 02 (hai) lần liên tiếp được công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", trong thời gian đó có sáng kiến được công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc".

b) Đối với tập thể trực thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương:

Bước 1: Xét, đề nghị công nhận danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến", trong số các tập thể tiêu biểu được đánh giá, phân xếp loại từ mức "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên có đủ tiêu chuẩn quy định;

Bước 2: Xét, lựa chọn các tập thể tiêu biểu trong số các tập thể được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có đủ tiêu chuẩn của danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" đề nghị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc".

c) Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương là thành viên các khối thi đua do Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập thực hiện việc bình xét "Cờ thi đua" theo Quy chế hoạt động khối thi đua do Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 4. Nguyên tắc, quy trình xét khen thưởng

1. Nguyên tắc:

a) Cùng một nội dung khen thưởng nếu khen thưởng cho tập thể thì không khen thưởng cho cá nhân người đứng đầu và ngược lại (trừ khen thưởng thường xuyên);

b) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo. Người đứng đầu tập thể chỉ được khen thưởng và đề nghị khen thưởng cấp tỉnh và cấp Nhà nước khi tập thể được công nhận "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên (trừ khen thưởng đột xuất);

c) UBND tỉnh chỉ xem xét tặng không quá 10 (Mười) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho tập thể, cá nhân trong các phong trào thi đua chuyên đề, lễ kỷ niệm của cơ quan, đơn vị, địa phương; khi sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, chỉ thị, nghị định, nghị quyết,... hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, đại hội... trừ thành tích phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh;

d) Việc xét, đề nghị khen thưởng phải được thực hiện từ cơ sở hoặc thông qua việc phát hiện điển hình tiên tiến của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp. Tập thể, cá nhân trình đề nghị khen thưởng cấp tỉnh và cấp Nhà nước phải là các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể, cá nhân có đủ tiêu chuẩn khen thưởng.

Cùng một thời điểm mỗi phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác; cơ sở giáo dục phổ thông; đơn vị y tế tuyến huyện; xã, phường, thị trấn,... chỉ lựa chọn trình đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cho không quá 01 cá nhân đối với mỗi hình thức khen thưởng. Đối với phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác; cơ sở giáo dục phổ thông; đơn vị y tế tuyến huyện có từ 50 (Năm mươi) cá nhân trở lên thuộc phòng, ban, đơn vị thì được trình tối đa 02 (Hai) cá nhân đối với mỗi hình thức khen thưởng.

đ) Cấp nào tổ chức phát động thi đua thì cấp đó thực hiện việc khen thưởng theo quy định; trong phong trào thi đua thường xuyên hàng năm chỉ khen thưởng cho các đơn vị thuộc ngành dọc có tham gia các khối thi đua do Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức, không khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực thuộc đơn vị;

e) Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi cấp huyện hoặc một ngành có thời gian từ 01 (một) năm trở lên và có đăng ký với Uỷ ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh)), khi tổng kết phong trào được xem xét đề nghị khen thưởng cấp tỉnh cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua;

g) Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi cấp xã hoặc cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương có thời gian từ 02 (hai) năm trở lên và có đăng ký với Uỷ ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh)), khi tổng kết phong trào được xem xét đề nghị khen thưởng cấp tỉnh cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua.

2. Quy trình xét khen thưởng:

a) Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại và danh hiệu thi đua của tập thể, cá nhân đạt được trong năm, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (bộ phận làm công tác thi đua khen thưởng) tiến hành rà soát thành tích đạt được của các tập thể, cá nhân trong các năm trước đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xét các hình thức khen thưởng phù hợp;

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ thành tích đạt được; tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng; điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích của các tập thể, cá nhân để xét đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thẩm quyền Quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân được thực hiện theo quy định tại các Điều 79, Điều 80, Điều 81 của Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định sau đây:

1. Thẩm quyền quyết định tặng các danh hiệu thi đua "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ thi đua cơ sở" cho các cá nhân:

a) Chánh Văn phòng Tỉnh ủy quyết định đối với cá nhân thuộc Thường trực Tỉnh ủy;

b) Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định đối với cá nhân thuộc Thường trực Uỷ ban nhân dân tỉnh;

c) Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đối với cá nhân thuộc Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách;

d) Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với cá nhân thuộc Thường trực Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện chuyên trách.

2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu "Lao động tiên tiến" đối với Thường trực Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân cấp xã và cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Tập thể Lao động tiên tiến" và Giấy khen cho tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý.

4. Thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ sở giáo dục ngoài công lập; cơ sở y tế tư nhân thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp.

Điều 6. Những trường hợp không xét khen thưởng và không trình cấp trên khen thưởng

Không xét khen thưởng hoặc không trình cấp trên khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Đối với tập thể:

a) Thành tích không đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định;

b) Tổ chức đảng không được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

c) Tổ chức đoàn thể không được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng không đủ các tài liệu theo quy định hoặc không đảm bảo về thời gian; báo cáo thành tích không nêu cụ thể thành tích đã đạt được theo tiêu chuẩn quy định; không đảm bảo tỷ lệ, cơ cấu đề nghị khen thưởng theo quy định;

đ) Không tham gia công tác xã hội, từ thiện do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động.

2. Đối với cá nhân:

a) Thành tích không đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định;

b) Cá nhân trong thời gian xem xét kỷ luật, cá nhân liên quan đến các vụ án, vụ việc tiêu cực mà chưa có kết luận của các cơ quan chức năng; cá nhân đang trong thời gian thi hành một trong các hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên;

c) Không tham gia công tác xã hội, từ thiện do tỉnh, cơ quan phát động;

d) Báo cáo thành tích không nêu cụ thể thành tích đã đạt được theo tiêu chuẩn quy định;

đ) Gia đình không đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa".

Điều 7. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tập thể Lao động xuất sắc.

3. Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh.

4. Xã, phường, thị trấn tiêu biểu.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Kỷ niệm chương.

7. Thư khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh.

8. Các giải thưởng.

Điều 8. Quỹ Thi đua, khen thưởng

1. Quỹ Thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương được trích lập, quản lý và sử dụng theo quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ.

2. Quỹ Thi đua, khen thưởng của tỉnh thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Thi đua, khen thưởng do Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 9. Đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương đạt các tiêu chuẩn quy đinh tại khoản 1, Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, cụ thể như sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh;

b) Tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do cơ quan phát động; nhiệt tình, sôi nổi trong các hoạt động của tập thể, các tổ chức đoàn thể và nơi cư trú;

c) Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ trong cơ quan, đơn vị; tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn trở lên;

đ) Trong năm không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với các lỗi vi phạm của cá nhân.

2. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" để tặng cho công nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh;

b) Tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do doanh nghiệp phát động; nhiệt tình, sôi nổi trong các hoạt động của tập thể, các tổ chức đoàn thể và nơi cư trú;

c) Chấp hành tốt các nội quy, quy trình sản xuất và có ý thức tổ chức kỷ luật; trong sản xuất có đổi mới, sáng tạo, cải tiến hoặc áp dụng công nghệ kỹ thuật mới để nâng cao năng suất lao động trong đơn vị;

d) Được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

đ) Trong năm không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với các lỗi vi phạm của cá nhân.

3. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" để tặng cho nông dân, người lao động không thuộc khoản 1 điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh;

b) Tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do địa phương phát động; nhiệt tình, sôi nổi trong các hoạt động của tập thể, các tổ chức đoàn thể nơi cư trú; tích cực đóng góp trong công tác từ thiện, an sinh xã hội;

c) Chấp hành tốt hương ước, quy ước nơi cư trú; có áp dụng kỹ thuật tiến bộ trong lao động, sản xuất hoặc cách làm mang lại hiệu quả cao trong lao động, sản xuất được tập thể, cộng đồng suy tôn, công nhận;

d) Trong năm không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với các lỗi vi phạm của cá nhân.

Điều 10. Đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" được xét tặng hằng năm cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 23 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" phải là những sáng kiến được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến.

Điều 11. Đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến"

1. Đối tượng xét danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến" cụ thể như sau:

a) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban, chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; phòng và tương đương trực thuộc các ban, chi cục và tương đương trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;

b) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trung tâm, trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng và tương đương thuộc các trung tâm, trường chuyên nghiệp, đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện; các trạm y tế xã, phường, thị trấn; phòng khám đa khoa khu vực;

d) Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh gồm: Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác.

2. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" để tặng hằng năm cho tập thể đạt tiêu chuẩn tại khoản 1, Điều 28, Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

a) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, địa phương. Tham gia đầy đủ các phong trào thi đua thường xuyên và chuyên đề do tỉnh, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện;

b) Được cấp có thẩm quyền đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên của năm xét tặng danh hiệu;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm trở lên, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

d) Không có cá nhân vi phạm pháp luật, bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc có sai phạm, vi phạm khác đang thanh tra, kiểm tra chưa có kết luận, xử lý.

Điều 12. Đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc"

1. Đối tượng xét danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" cụ thể như sau:

a) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban, chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; phòng và tương đương trực thuộc các ban, chi cục và tương đương trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;

b) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; và UBND các xã, phường, thị trấn;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trung tâm, trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng, ban và tương đương thuộc các trung tâm, trường chuyên nghiệp, đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện; các trạm y tế xã, phường, thị trấn; phòng khám đa khoa khu vực;

d) Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác và các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, phân xưởng (không tặng cho các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh là đơn vị thành viên trực thuộc các tổng công ty, tập đoàn).

2. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" xét tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc, đạt tiêu chuẩn tại khoản 1, Điều 27, Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

a) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, địa phương. Tham gia đầy đủ các phong trào thi đua thường xuyên và chuyên đề do tỉnh, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện;

b) Được cấp có thẩm quyền đánh giá "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" của năm xét tặng danh hiệu;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm trở lên, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

d) Không có cá nhân vi phạm pháp luật, bị xử phạt hành chính, bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc có sai phạm, vi phạm khác đang thanh tra, kiểm tra chưa có kết luận, xử lý.

Điều 13. Đối tượng, tiêu chuẩn và số lượng tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Uỷ ban nhân dân tỉnh"

1. Đối tượng:

a) Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương;

b) Các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;

c) Các trung tâm, chi cục và tương đương trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương;

d) Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện, thị xã, thành phố (đơn vị có dấu và tài khoản riêng hoặc có con dấu riêng);

đ) Các trường học, bệnh viện, đơn vị y tế tuyến huyện;

e) Các xã, phường, thị trấn;

g) Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác.

2. Tiêu chuẩn:

a) Là tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của các khối thi đua do Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức;

b) Đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng và tổ chức đảng, đoàn thể được đánh giá, xếp loại từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Thành lập khối thi đua và số lượng tặng Cờ thi đua:

a) Các khối thi đua sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; khối huyện, thị xã, thành phố; các khối doanh nghiệp mỗi khối được bình xét suy tôn đề nghị tặng 01 (Một) Cờ thi đua của UBND tỉnh;

b) Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương có từ 05 (Năm) đơn vị trực thuộc trở lên được thành lập khối thi đua và mỗi khối thi đua được bình xét suy tôn đề nghị 01 (Một) Cờ thi đua của UBND tỉnh;

Mỗi sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương được thành lập tối đa không quá 05 (Năm) khối thi đua;

c) Mỗi huyện, thị xã, thành phố thành lập 02 (Hai) khối thi đua phòng, ban, đơn vị trực thuộc và 01 (Một) khối thi đua các xã, phường, thị trấn. Mỗi huyện, thị xã, thành phố được bình xét suy tôn tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 02 (Hai) phòng, ban, đơn vị trực thuộc cấp huyện (01 tập thể thuộc khối đảng, đoàn thể và 01 tập thể thuộc khối quản lý nhà nước) và 01 (Một) xã, phường, thị trấn tiêu biểu dẫn đầu các khối thi đua;

d) Mỗi huyện, thị xã, thành phố thành lập 03 (Ba) khối thi đua của các cơ sở giáo dục do UBND huyện, thị xã, thành phố quản lý. Mỗi huyện, thị xã, thành

phố được bình xét suy tôn đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho 03 (Ba) tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu các khối thi đua trong năm học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở).

Điều 14. Danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn, tổ dân phố văn hóa", "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu"

Tiêu chuẩn, thủ tục hồ sơ xét tặng các danh hiệu thi đua "Gia đình văn hóa", "Thôn, tổ dân phố văn hóa", "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu" thực hiện theo quy định riêng của UBND tỉnh.

Mục 2
ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN TẶNG BẰNG KHEN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 15. Đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng chung

1. Tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 74, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

2. Tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển của tỉnh.

3. Cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp bằng tiền, vật chất và công sức trị giá từ 100 triệu đồng (Một trăm triệu đồng) trở lên được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

4. Tặng tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, Điều 74, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

5. Tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 4 Điều này hoặc có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển của tỉnh.

6. Tập thể, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp bằng tiền, vật chất và công sức cho địa phương, xã hội trị giá từ 200 triệu đồng (Hai trăm triệu đồng) trở lên được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

7. Tặng tổ chức nước ngoài và cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh Lào Cai;

8. Tặng hằng năm cho đơn vị xếp thứ 2 (Hai) của mỗi khối thi đua doanh nghiệp.

Điều 16. Tiêu chuẩn khen thưởng đối với công nhân, nông dân, người lao động và hộ gia đình

1. Tặng cho người công nhân, người lao động không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có thời gian làm việc trong các doanh nghiệp từ 03 (ba) năm trở lên và cá nhân là thành viên hợp tác xã gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước lập được thành tích tiêu biểu trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong doanh nghiệp, hợp tác xã và có ít nhất 01 (một) sáng kiến được người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã công nhận và giá trị làm lợi của sáng kiến từ 50 triệu đồng (Năm mươi triệu đồng) trở lên.

2. Tặng cho nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã và có mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho ít nhất 05 lao động và có lợi nhuận từ 200 triệu đồng/năm trở lên.

3. Tặng hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được công nhận đạt danh hiệu "Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi cấp Trung ương".

Điều 17. Tiêu chuẩn khen thưởng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

1. Khen thưởng công chức, viên chức, người lao động

a) Tặng cho công chức, viên chức, nhân viên thuộc ngành giáo dục và đào tạo; cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, Điều 15 quy định này.

Cùng một thời điểm mỗi cơ sở giáo dục chỉ lựa chọn trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen cho không quá 01 cá nhân. Đối với cơ sở giáo dục có từ 50 viên chức trở lên thì được trình tối đa 02 cá nhân;

b) Tặng cho viên chức trực tiếp bồi dưỡng học sinh giỏi có học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Quốc gia, khu vực Quốc tế và Quốc tế; viên chức trực tiếp bồi dưỡng học sinh giỏi có học sinh là người dân tộc thiểu số đạt giải Nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa.

Chỉ khen thưởng lần tiếp theo cho các viên chức khi thành tích đạt giải của học sinh lần sau cao hơn lần trước;

c) Viên chức có thời gian công tác 10 năm liên tục trở lên ở vùng đặc biệt khó khăn đến thời điểm nghỉ hưu và liên tục được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong quá trình công tác chưa được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh. Thời điểm trình đề nghị khen thưởng trước khi nghỉ hưu theo quy định 01 năm công tác;

d) Viên chức đạt giải Nhất, giải Nhì, giải Ba kỳ thi cán bộ quản lý giỏi, giáo viên giỏi cấp Quốc gia.

2. Khen thưởng học sinh, sinh viên, học viên

a) Học sinh đang học ở các cơ sở giáo dục phổ thông đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa, cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia hoặc đạt giải Nhất các cuộc thi cấp quốc gia nội dung khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương tổ chức;

b) Học sinh đạt giải nhất trong kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa, cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh;

c) Học sinh người dân tộc thiểu số đạt giải Nhì trở lên trong kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa, cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh;

d) Học sinh, sinh viên, học viên đang học ở các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt giải khuyến khích trở lên trong hội thi tay nghề cấp Quốc gia hoặc đạt giải Nhất cấp tỉnh;

đ) Mỗi cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh lựa chọn không quá 03 sinh viên, học viên tiêu biểu có 02 năm trở lên liên tục đạt sinh viên, học viên giỏi để đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

3. Khen thưởng tập thể

a) Tặng các tập thể thuộc ngành giáo dục và đào tạo gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 4, Điều 15 bản quy định này;

b) Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Điều 18. Tiêu chuẩn khen thưởng trong lĩnh vực y tế

1. Khen thưởng cá nhân

a) Tặng cho công chức, viên chức, nhân viên thuộc ngành y tế có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, Điều 15 bản quy định này;

b) Tặng nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản; cộng tác viên dân số có 02 (hai) năm liên tục được Giám đốc Sở Y tế hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tặng Giấy khen và trong 02 (hai) năm đó trên địa bàn thôn, bản do nhân viên y tế hoặc cộng tác viên dân số phụ trách triển khai có hiệu quả các nội dung chuyên môn liên quan đến nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn, bản hoặc cộng tác viên dân số;

c) Tặng viên chức ngành y tế hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và được Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố hoặc Giám đốc Sở Y tế tặng 02 (hai) Giấy khen trở lên khen thưởng về tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ người bệnh;

d) Tặng cho cá nhân hành nghề y, dược tư nhân chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có uy tín với Nhân dân trên địa bàn tỉnh và đã được Giám đốc Sở Y tế hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tặng 02 (hai) Giấy khen trở lên.

2. Khen thưởng tập thể

a) Tặng các tập thể thuộc ngành y tế gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 4, Điều 15 bản quy định này;

b) Tặng cho xã tiêu biểu xuất sắc của mỗi huyện, thị xã, thành phố có 05 (năm) năm liên tục trở lên hoàn thành 100% các chỉ tiêu kế hoạch công tác dân số và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố hoặc Giám đốc Sở Y tế tặng Giấy khen trong thực hiện công tác y tế.

Điều 19. Khen thưởng sơ, tổng kết; kỷ niệm và các sự kiện

1. Việc khen thưởng các dịp đại hội, kỷ niệm ngày thành lập của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình, kế hoạch, chỉ thị, nghị quyết,... thực hiện theo kế hoạch công tác thi đua, khen thưởng hàng năm của UBND tỉnh.

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) chủ trì phối hợp cơ quan, đơn vị, địa phương hướng dẫn tiêu chuẩn và số lượng khen thưởng khen thưởng cụ thể đối với từng sự kiện của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Mục 3
KỶ NIỆM CHƯƠNG TỈNH LÀO CAI; "THƯ KHEN" CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH; GIẢI THƯỞNG VÀ GIẤY KHEN

Điều 20. Kỷ niệm chương tỉnh Lào Cai

1. Kỷ niệm chương tỉnh Lào Cai là hình thức khen thưởng của tỉnh để ghi nhận những công lao, cống hiến của các cá nhân trong và ngoài tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình xét tặng Kỷ niệm chương tỉnh Lào Cai thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 21. Thư khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh

1. Thư khen là hình thức ghi nhận, khích lệ, động viên kịp thời của Chủ tịch UBND tỉnh đối với các tập thể, cá nhân có thành tích, hành động tiêu biểu nổi bật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội để tuyên truyền, nêu gương, giáo dục.

2. Mẫu thư khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh đề xuất.

Điều 22. Giấy khen

1. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương để tặng cho tập thể, cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tặng cho cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn tại cơ quan, đơn vị được giao trong năm; tham gia đầy đủ, nổi trội các hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân có sáng kiến được áp dụng

hiệu quả tại đơn vị hoặc cá nhân có thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị cần tuyên dương, nêu gương kịp thời;

b) Tặng cho tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên được giao hằng năm; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, hưởng ứng đầy đủ các phong trào thi đua do cơ quan phát động; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể hoặc tập thể có thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị cần tuyên dương, nêu gương kịp thời.

2. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình, nông dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tặng cho cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn tại cơ quan, đơn vị được giao trong năm; tham gia đầy đủ, nổi trội các hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân có sáng kiến được áp dụng hiệu quả tại đơn vị hoặc cá nhân có thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị, địa phương cần tuyên dương, nêu gương kịp thời;

b) Tặng cho tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên được giao hằng năm; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, hưởng ứng đầy đủ các phong trào thi đua do địa phương phát động; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể;

c) Tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua do các cấp phát động, có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi đối với địa phương;

d) Tặng cho nông dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua do địa phương phát động, có sự tương trợ giúp đỡ nông dân khác; trong lao động, sản xuất đạt được những kết quả vượt trội so với mặt bằng tại địa phương cần biểu dương nêu gương.

đ) Tặng tập thể, cá nhân, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 50 (Năm mươi) triệu đồng trở lên đối với cá nhân, hộ gia đình và 100 (Một trăm) triệu đồng trở lên đối với tập thể.

3. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình, nông dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn tại cơ quan được giao trong năm; tham gia đầy đủ các phong trào thi đua do địa phương phát động hoặc cá nhân có sáng kiến được áp dụng hiệu quả tại đơn vị hoặc cá nhân có thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị cần tuyên dương, nêu gương kịp thời;

b) Tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên được giao hằng năm; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, hưởng ứng đầy đủ các phong

trào thi đua do cơ quan phát động; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;

c) Hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua do địa phương phát động, có phạm vi ảnh hưởng đối với địa phương;

d) Nông dân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tiên phong đi đầu trong các phong trào thi đua do địa phương phát động, có sự tương trợ giúp đỡ nông dân khác; trong lao động, sản xuất đạt được những kết quả vượt trội so với mặt bằng tại địa phương cần biểu dương nêu gương;

đ) Tặng tập thể, cá nhân, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 30 (Ba mươi) triệu đồng trở lên đối với cá nhân, hộ gia đình và 60 (Sáu mươi) triệu đồng trở lên đối với tập thể.

4. Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã tặng cho công nhân, người lao động và tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Công nhân, người lao động hoàn thành tốt trở lên các nhiệm vụ, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao hằng năm hoặc có sáng kiến, thành tích nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị;

b) Tập thể đoàn kết, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao hằng năm.

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong phạm vi, thẩm quyền xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn để làm căn cứ xét tặng Giấy khen thành tích theo công trạng, chuyên đề, hoạt động công tác cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình.

Điều 23. Xét tôn vinh và trao tặng danh hiệu, giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác

1. Doanh nhân, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác có đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai được xét tôn vinh và trao tặng danh hiệu, giải thưởng theo quy định.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình và hồ sơ xét tặng danh hiệu, giải thưởng được thực hiện theo quy định riêng của UBND tỉnh.

Chương III
TUYẾN TRÌNH VÀ THỦ TỤC, HỒ SƠ TRÌNH ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG; HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH VÀ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Điều 24. Tuyến trình khen thưởng

1. Quy định chung về tuyến trình khen thưởng:

a) Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

b) Việc khen thưởng sơ kết, tổng kết thực hiện Luật, Pháp lệnh và các văn bản do Trung ương ban hành; đại hội, hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan, lễ hội, tổng điều tra, bầu cử... nếu chưa có trong kế hoạch về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm của Uỷ ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; huyện, thị xã, thành phố hoặc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác phải có văn bản gửi Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để tổng hợp trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định;

c) Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ thực hiện việc hiệp y, xác nhận thành tích cho các tập thể và người đứng đầu các tập thể theo quy định.

2. Các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các hội, đoàn thể cấp huyện, cấp xã do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

3. Các đơn vị trưởng khối thi đua của tỉnh trình khen thưởng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thành viên được khối suy tôn, đề nghị.

4. Đối với các tập thể, cá nhân thuộc Công đoàn ngành của tỉnh; Liên đoàn lao động các huyện, thị xã, thành phố do Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì phát động thi đua theo chuyên đề thì tổng kết, đánh giá, khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

6. Việc trình khen thưởng đột xuất do cơ quan, đơn vị trình khen thưởng tóm tắt trích ngang thành tích và lập hồ sơ đề nghị khen thưởng. Cơ quan, đơn vị trình khen thưởng chịu trách nhiệm về thành tích của các tập thể, cá nhân trước pháp luật.

7. Các doanh nghiệp thuộc khối thi đua của tỉnh trực tiếp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị.

8. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác không tham gia khối thi đua của tỉnh do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 25. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng "Cờ thi đua của Uỷ ban nhân dân tỉnh":

Thực hiện theo quy định tại Điều 84, Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị tặng thưởng "Cờ thi đua của Uỷ ban nhân dân tỉnh" của Trưởng khối thi đua, hoặc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;

b) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng thưởng "Cờ thi đua của Uỷ ban nhân dân tỉnh";

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín suy tôn của Khối thi đua thuộc tỉnh hoặc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện; sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;

Tất cả các tài liệu nêu trên đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh":

Thực hiện theo quy định tại Điều 84, Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;

b) Báo cáo thành tích 03 năm liên tục của cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" có xác nhận của thủ trưởng đơn vị, địa phương;

c) Bản phô tô có chứng thực "Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh", "Quyền tác giả" đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh (hoặc bộ, ngành trung ương);

d) Biên bản xét duyệt và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;

Các tài liệu quy định tại điểm a, b và d khoản này đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc"; "Đơn vị quyết thắng":

Thực hiện theo quy định tại Điều 84, Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;

b) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị;

c) Biên bản xét duyệt và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;

Tất cả các tài liệu nêu trên đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng "Bằng khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh":

Thực hiện theo quy định tại Điều 84, Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng "Bằng khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh" của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức; đối với cá nhân là Nhân dân ở xã, phường, thị trấn và người lao động trực tiếp, không giữ chức vụ quản lý trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác không phải viết báo cáo thành tích và được thay bằng trích ngang tóm tắt thành tích do UBND xã, phường, thị trấn hoặc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác thực hiện;

c) Biên bản xét duyệt của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;

d) Bản phô tô có chứng thực văn bản chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo;

Các tài liệu quy định tại điểm a, b và c khoản này đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản

Đối tượng và hồ sơ khen thưởng theo thủ tục đơn giản thực hiện theo quy định tại Điều 85, Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;

b) Bản tóm tắt thành tích của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng;

Tất cả các tài liệu nêu trên đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

6. Hồ sơ đề nghị tặng Thư khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, gồm có:

a) Tờ trình đề nghị của các của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;

b) Tóm tắt thành tích, hành động tiêu biểu nổi bật của tập thể, cá nhân và ghi rõ nội dung đề nghị Thư khen;

Các tài liệu quy định tại điểm a và b khoản này đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

7. Hồ sơ đề nghị xác nhận thành tích, gồm có:

a) Văn bản đề nghị xác nhận thành tích của cơ quan, đơn vị, địa phương (bản chính);

b) Báo cáo thành tích của đối tượng xin xác nhận thành tích (bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền);

c) Văn bản hướng dẫn khen thưởng của bộ, ngành, đoàn thể trung ương (bản chính hoặc bản pho to).

Điều 26. Hồ sơ do Sở Nội vụ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng và xác nhận thành tích

Hồ sơ do Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Điều 84, Luật Thi đua, khen thưởng gồm 01 bộ hồ sơ (bản chính), cụ thể như sau:

1. Hồ sơ trình "Bằng khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh"; tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" và tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh":

a) Tờ trình của Sở Nội vụ;

b) Danh sách và tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

2. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh":

a) Tờ trình của Sở Nội vụ;

b) Danh sách và tóm tắt thành tích của tập thể đề nghị tặng Cờ thi đua;

c) Phiếu trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

3. Hồ sơ trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng Thư khen:

a) Tờ trình của Sở Nội vụ;

b) Dự thảo nội dung Thư khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh.

4. Hồ sơ trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xác nhận thành tích, trình khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Tờ trình của Sở Nội vụ;

b) Danh sách và tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị Nhà nước khen thưởng;

c) Phiếu trình xin ý kiến của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoặc biên bản kiểm phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

d) Đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác và người đứng đầu doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác kèm theo bản phô tô văn bản tham gia ý kiến của các ngành chức năng đánh giá việc chấp hành chính sách pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác.

5. Hồ sơ trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xác nhận thành tích khen thưởng của Bộ, ngành, đoàn thể trung ương:

a) Tờ trình của Sở Nội vụ;

b) Phiếu trình xin ý kiến của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xác nhận thành tích.

6. Hồ sơ trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xác nhận thành tích khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Tờ trình của Sở Nội vụ;

b) Báo cáo tổng hợp ý kiến của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

c) Văn bản đề nghị xác nhận thành tích khen thưởng của bộ, ngành, đoàn thể trung ương;

d) Dự thảo văn bản xác nhận thành tích của UBND tỉnh.

Điều 27. Thời gian thẩm định hồ sơ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng, xác nhận thành tích đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền khen thưởng

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, các huyện, thị xã, thành phố trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh khen thưởng, hoặc đề nghị xác nhận thành tích phải gửi đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày dự kiến tổ chức trao tặng, đón nhận (tại hội nghị tổng kết năm, tổng kết công tác, ngày truyền thống, lễ kỷ niệm,... của cơ quan, đơn vị, địa phương mình) hoặc theo yêu cầu của cấp trên ít nhất từ 15 (mười lăm) ngày làm việc trở lên.

2. Đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh: Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất).

3. Thời điểm các cơ quan, đơn vị, địa phương trình UBND tỉnh xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" là năm liền kề với năm có quyết định tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh". Hồ sơ gửi đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) chậm nhất ngày 31 tháng 07 hằng năm.

4. Hồ sơ trình đề nghị tặng danh hiệu thi đua "Cờ thi đua của UBND tỉnh" gửi trước ngày 31 tháng 01 hằng năm; đối với lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 7 hằng năm.

5. Hồ sơ trình đề nghị khen thưởng công trạng gửi trước ngày 30 tháng 3 hàng năm; đối với lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 7 hằng năm.

Điều 28. Hồ sơ đề nghị khen thưởng của cấp sở, ngành, đoàn thể tỉnh, cấp huyện, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác

1. Hồ sơ đề nghị xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở":

Thực hiện theo quy định tại Điều 84, Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

a) Tờ trình của đơn vị đề nghị;

b) Biên bản xét khen thưởng và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị trình đề nghị;

c) Báo cáo thành tích cá nhân;

d) Bản phô tô quyết định công nhận sáng kiến cơ sở hoặc bản sao các giấy tờ liên quan chứng minh có đủ điều kiện tương đương có sáng kiến cấp cơ sở;

Các tài liệu quy định tại điểm a, b và c khoản này đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

2. Hồ sơ đề nghị xét, tặng danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến":

Thực hiện theo quy định tại Điều 84, Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

a) Tờ trình của đơn vị đề nghị;

b) Biên bản xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị đề nghị;

c) Báo cáo thành tích của tập thể;

Tất cả các tài liệu nêu trên đều là bản chính, có chữ ký và đóng dấu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

3. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu: "Thôn, tổ dân phố văn hóa"; "Lao động tiên tiến" và "Giấy khen" thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 29. Hủy bỏ quyết định khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo Điều 74, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Hồ sơ các cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh gửi Sở Nội vụ, gồm:

a) Tờ trình của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; UBND cấp huyện, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của tập thể, cá nhân;

b) Báo cáo tóm tắt của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; UBND cấp huyện, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác về lý do trình Chủ tịch

UBND tỉnh hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

3. Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4. Hồ sơ Sở Nội vụ trình Chủ tịch UBND tỉnh hủy bỏ quyết định khen thưởng, gồm có:

a) Tờ trình của Sở Nội vụ;

b) Dự thảo quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

5. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, UBND cấp huyện căn cứ quy định của pháp luật thực hiện việc hủy bỏ quyết định khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương đối với các tập thể, cá nhân có sai phạm.

Điều 30. Cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện Điều 114 và Điều 115, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh gồm 01 bộ bản chính:

a) Công văn đề nghị cấp đổi của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp đổi của cá nhân, hộ gia đình khi có hiện vật khen thưởng bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng và hư hỏng vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn hoặc do in sai bằng kèm theo hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi.

b) Công văn đề nghị cấp đổi của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương, UBND cấp huyện, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác kèm danh sách theo (Mẫu 4.1, 4.2 và 4.5 phụ lục II.4, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ) gửi Sở Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh) đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh.

c) Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương, UBND cấp huyện, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác căn cứ quy định của pháp luật quy định cụ thể thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng do cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định khen thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh gồm 01 bộ bản chính:

a) Công văn đề nghị cấp lại của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp lại của cá nhân, hộ gia đình khi có hiện vật khen thưởng bị thất lạc, bị mất do khách quan

như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn hoặc do in sai bằng gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương đã trình khen thưởng cho tập thể, cá nhân;

b) Công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác kèm theo danh sách (mẫu 4.3; 4.4 và 4.6 phụ lục II.4 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ) gửi Sở Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh).

4. Thời gian giải quyết cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh

a) Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương, Uỷ ban nhân dân cấp huyện, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi, cấp lại của tập thể, cá nhân, hộ gia đình phải tổng hợp, gửi văn bản và hồ sơ tới Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh);

b) Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phải trả kết quả cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cho cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Thời gian giải quyết cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng khác

Cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng giải quyết cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng.

Chương IV
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG; CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp thực hiện theo Điều 49, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Là cơ quan tham mưu cho cấp uỷ đảng, chính quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Định kỳ đánh giá tình hình phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất, đề ra các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Đôn đốc kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trực thuộc quản lý.

4. Tham mưu, tư vấn cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực thuộc.

Điều 32. Thẩm quyền thành lập, cơ cấu và nhiệm vụ Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Thẩm quyền thành lập

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Cơ cấu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Giám đốc Sở Nội vụ là Phó Chủ tịch Thường trực;

c) Hội đồng không quá 17 thành viên, trong đó có không quá 04 Phó Chủ tịch. Thành viên Hội đồng và Phó Chủ tịch Hội đồng do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng, Thường trực Hội đồng và Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng về xét chọn và đề nghị khen thưởng:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định của pháp luật gồm: Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước;

Xác nhận thành tích đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước;

b) Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xét chọn các tập thể, có thành tích xuất sắc đề nghị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua của Uỷ ban nhân dân tỉnh;

Xác nhận thành tích đề nghị khen thưởng của cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương đối với các tập thể, cá nhân;

c) Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) thẩm định hồ sơ và tham mưu Sở Nội vụ trình đề nghị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh khen thưởng gồm: "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh", "Tập thể Lao động xuất sắc", "Bằng khen" và "Thư khen" của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Điều 33. Thẩm quyền thành lập, cơ cấu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các cấp và doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh và tương đương:

a) Thẩm quyền thành lập:

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương.

b) Cơ cấu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương:

Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc, Thủ trưởng cơ quan sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương. Phó Chủ tịch Hội đồng có từ 1 đến 2 Phó Chủ tịch, gồm: Cấp phó của người đứng đầu; Chủ tịch công đoàn cùng cấp. Các thành viên Hội đồng có từ 5 đến 7 thành viên là lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và một số phòng, ban chức năng, chuyên môn thuộc sở, ban, ngành, tổ chức; đại diện các tổ chức đoàn thể cùng cấp do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

Bộ phận chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương là văn phòng hoặc phòng tổ chức - hành chính của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác:

a) Thẩm quyền thành lập:

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng Giám đốc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác.

b) Cơ cấu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác:

Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng Giám đốc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác. Phó Chủ tịch Hội đồng có từ 1 đến 2 Phó Chủ tịch, gồm: cấp phó của người đứng đầu; Chủ tịch công đoàn của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác. Các thành viên Hội đồng có từ 5 đến 7 thành viên là lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc và đại diện các tổ chức đoàn thể của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

Bộ phận chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng Giám đốc doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác quyết định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện:

a) Thẩm quyền thành lập:

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của huyện, thị xã, thành phố.

b) Cơ cấu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện gồm:

Hội đồng có không quá 15 thành viên, Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện, trong đó có từ 2 đến 3 Phó Chủ tịch Hội đồng do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã:

a) Thẩm quyền thành lập:

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của xã, phường, thị trấn.

b) Cơ cấu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã gồm:

Hội đồng có không quá 10 thành viên, Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và Phó Chủ tịch UBND xã làm Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên khác do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định.

Công chức Văn phòng – Thống kê Uỷ ban nhân dân cấp xã là Ủy viên Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và Quy định này. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để báo cáo, trình cơ quan có thẩm quyền hoặc hướng dẫn thực hiện.

2. Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Quy định này, các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể; các cơ quan Nhà nước; lực lượng vũ trang; các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác tổ chức triển khai và hướng dẫn các tập thể, cá nhân trực thuộc tổ chức triển khai phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi ý kiến phản ánh bằng văn bản về Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để tổng hợp, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.